



ĐÀO TẠO NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI KHMER TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

PHẠM HOÀNG MINH

Trường Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú tỉnh Kiên Giang
Email: p.hminh@yahoo.com.vn

Tóm tắt: Bài viết mô tả một phần kết quả khảo sát của “Đề án Xóa đói giảm nghèo tỉnh Kiên Giang năm 2015”. Kết quả khảo sát đã chỉ ra những đặc trưng của người Khmer ở tỉnh Kiên Giang, về giáo dục cho đồng bào người Khmer, đời sống, lao động và việc làm, nguyên nhân nghèo, đói của người Khmer, thực trạng đào tạo nghề, tạo việc làm và những giải pháp phát triển đào tạo nghề và tạo việc làm cho người Khmer tỉnh Kiên Giang. Kết quả khảo sát đã chứng minh rằng để đào tạo nghề tạo việc làm cho người Khmer có hiệu quả, trước hết cần nâng cao năng lực của đội ngũ giáo viên dạy nghề và có chính sách phù hợp trên cơ sở những đặc trưng của người Khmer ở tỉnh Kiên Giang.

Từ khóa: Đào tạo nghề; tạo việc làm; xóa đói giảm nghèo; người Khmer.

(Nhận bài ngày 22/6/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 14/7/2016; Duyệt đăng ngày 27/7/2016).

1. Đặt vấn đề

Xóa đói giảm nghèo là chương trình mục tiêu trọng điểm quốc gia. Chính sách dân tộc là chủ trương nhất quán của Đảng và Chính phủ từ trung ương đến địa phương. Các chính sách và chương trình dự án này đã phát huy tác động tích cực làm thay đổi đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho người dân đặc biệt là người nghèo nói chung và cộng đồng người dân tộc Khmer nói riêng. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được còn hạn chế chưa tương xứng với nỗ lực đầu tư của nhà nước, các ngành các cấp, sự hỗ trợ của tổ chức chính phủ, phi chính phủ và sự đóng góp của toàn xã hội. Những năm gần đây số hộ Khmer thoát nghèo còn ít, trong khi tỉ lệ tái nghèo cao hơn các nhóm dân tộc khác.

Chương trình hành động của tỉnh uỷ Kiên Giang đưa ra chỉ tiêu phấn đấu nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 53% trên tổng số lao động. Để đạt được chỉ tiêu trên tỉnh đã đề ra nhiều giải pháp về công tác đào tạo nghề: như tăng dần ngân sách cho đào tạo nghề, quy hoạch xây dựng hệ thống các trường dạy nghề, trung tâm dạy nghề giai đoạn 2016 – 2020. Công tác đào tạo nghề cho thanh niên tỉnh Kiên Giang nói chung và thanh niên người dân tộc Khmer nói riêng có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhận thức sâu sắc về chiến lược đào tạo nguồn nhân lực trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cũng như công tác đào tạo, Trường Trung cấp Nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang đã từng bước gần gũi với thực tiễn sản xuất, nội dung đào tạo theo hướng phù hợp với nhu cầu xã hội và tạo việc làm nhằm xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc Khmer.

2. Những đặc trưng của người Khmer ở tỉnh Kiên Giang

Dân số và tập quán: Người Khmer là một trong số 4 cộng đồng dân tộc (Kinh, Khmer, Hoa và Chăm) sinh

sống lâu đời và ở hầu hết các huyện, thị của tỉnh Kiên Giang. Dân số chiếm trên 12% tổng dân số của tỉnh chủ yếu làm nghề nông và sống quây quần quanh những ngôi chùa lớn hợp thành những phum sóc riêng biệt.

Đời sống tâm linh: Người Khmer vốn là một dân tộc sùng đạo phật, Phật giáo Nam tông, sư sãi và ngôi chùa Khmer có một vai trò, vị trí hết sức đặc thù trong cộng đồng dân tộc Khmer. Họ tin rằng cúng chùa, dâng các sư sãi thì sẽ được phước, nên khi có tiền họ trích một số lớn vào việc cúng dường và nuôi quý sư sãi. Các tục lệ, hành vi và thói quen ngoài đời đều chiếu theo Kinh sách Phật.

Đời sống văn hóa: Là cư dân bản địa có mặt lâu đời sống trên vùng đất Kiên Giang, người Khmer có truyền thống đoàn kết, có tinh thần nhân đạo và có tấm lòng nhân ái cao cả. Người Khmer có ngôn ngữ, chữ viết và nền văn hoá phát triển lâu đời, có phong tục tập quán là lễ hội phong phú. Đồng bào rất quan tâm và yêu thích văn hoá, nghệ thuật, thích múa hát và rất trân trọng giá trị về đời sống tinh thần. Tính cộng đồng và sự gắn kết cộng đồng dân tộc của người Khmer thông qua nhà chùa và lễ hội truyền thống thể hiện rất đậm nét. Người Khmer sống thật thà, chất phác, khiêm tốn, dễ tin, nhưng cũng có lòng tự trọng và ý thức dân tộc cao, có tính phóng khoáng nhưng cũng dễ tự ti mặt cảm. Họ có tinh thần đoàn kết, tính tập thể gắn bó với cộng đồng nhưng cũng dễ cách li, biệt lập với cộng đồng.

3. Giáo dục cho đồng bào người Khmer

Giáo dục cho đồng bào người Khmer đã được chính quyền các cấp quan tâm đặc biệt trong những năm vừa qua. Sự quan tâm này thể hiện ở nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục tăng hàng năm, xây dựng thêm cơ sở hạ tầng cho giáo dục và các chính sách ưu đãi cho con em hộ nghèo trong việc miễn và giảm học phí và các khoản đóng góp cho nhà trường. Các trường phổ thông trung học cấp tỉnh và cấp huyện là biểu hiện rõ nét của chính



sách hỗ trợ giáo dục tích cực của Nhà nước cho cộng đồng người Khmer.

Tuy nhiên, xét về góc độ tiếp cận giáo dục của người Khmer, kết quả cũng còn nhiều hạn chế. Người nghèo Khmer, do điều kiện sinh sống, làm ăn còn nhiều khó khăn, kiến thức và tầm hiểu biết có hạn, đã tiếp cận rất ít với hệ thống giáo dục. Con em của họ có trình độ học vấn rất thấp, thường là cấp 1 hoặc bỏ học dở dang ở cấp 1. Bản thân họ nghèo biết chữ rất ít và thậm chí là mù chữ. Trình độ học vấn là một nhân tố quan trọng giúp người nghèo tiếp thu khoa học kỹ thuật tốt, có những suy nghĩ tính toán tìm ra phương thức làm ăn, cơ hội việc làm tốt hơn. Ngoài ra, phần lớn những người trong diện này là lao động nghèo, không đất hoặc ít đất sản xuất nên phải đi làm thuê kiếm sống, việc làm không ổn định. Vì thế, họ thường không quan tâm lắm đến việc học chữ, học nghề cho bản thân.

Tỉnh Kiên Giang có 3 trường dân tộc nội trú cấp huyện tại thị xã Hà Tiên, huyện Giồng Riềng, Gò Quao và 1 trường phổ thông trung học cấp tỉnh tại Thành Phố Rạch Giá. Trường dân tộc nội trú tuyển sinh theo 2 hình thức: cử tuyển áp dụng đối với học sinh dân tộc Khmer có hộ khẩu đặc biệt khó khăn (theo chương trình 135) theo quy định của trung ương và xét tuyển áp dụng với học sinh người Khmer ở các xã còn lại theo quy định về công tác tuyển sinh và các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Các chương trình, chính sách của nhà nước cũng như các chương trình dự án viện trợ cho học sinh người dân tộc đã phát huy tác dụng tạo điều kiện để các em đến trường tốt hơn. Bên cạnh đó, chùa Khmer cũng đã tổ chức dạy chữ Khmer cho đồng bào người dân tộc có nhu cầu để học.

4. Đời sống, lao động và việc làm

Người Khmer phần lớn sinh sống bằng nghề nông, có truyền thống lao động cần cù, chịu cực, chịu khó. Phần lớn các hộ dân Khmer sản xuất theo truyền thống, một bộ phận đồng bào tiếp thu và sử dụng có hiệu quả thành tựu khoa học trong nông nghiệp. Khả năng thích nghi với môi trường sống nhanh nhưng do điều kiện xuất phát của đồng bào còn thấp nên việc thích ứng với cơ chế thị trường còn nhiều bất cập. Sự phân hoá giàu nghèo, sự chênh lệch về các mặt và xu thế phát triển không đồng đều trong cộng đồng người Khmer khá rõ nét. Người Khmer không thích cạnh tranh, đua chen để làm giàu. Họ thích thanh thoi, an nhàn hơn người Kinh, thường chịu nhịn, chịu thua thiệt để tránh bất hoà. Công việc làm ăn của họ đều trông vào số phận. Họ tin rằng có phần, có phước mới giàu được. Vì thế, họ ít chịu tìm hiểu để làm thế nào tăng năng suất canh tác, thu được nhiều kết quả như người Kinh. Quan niệm về cách sống của người Khmer thiên về tinh thần hơn là vật chất. Họ lo cho con có gia đình rồi bao nhiêu tài sản đều đem cúng vào chùa làm phước, chỉ để lại một phần nhỏ đủ sống hàng ngày, không tiếp tục phát triển nghề nghiệp dù có sẵn phương tiện. Có tiền, họ hùn vào việc xây cất chùa làm

phước, nuôi sư sãi, tuyệt đối không dùng tiền lo riêng cho thân mình.

Đời sống của người Khmer lâu nay dựa vào sản xuất nông nghiệp và độc canh cây lúa theo tập quán sản xuất truyền thống của họ. Việc chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất – kinh doanh cũng như mở thêm các ngành nghề mới trong nông thôn ở vùng người Khmer vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Công cuộc di dân, giãn dân xây dựng vùng Kinh tế mới trong tỉnh cũng gặp không ít trở ngại do người Khmer thường quần tụ theo dòng họ, trong các phun, sóc trên những vùng đất cao ở chung quanh chùa phật. Chùa chiền Khmer luôn gắn bó mật thiết với cá nhân và cộng đồng trong từng phun, sóc nhất định, hợp thành không gian cư trú có tính bền vững và họ ít muốn xa nơi ở cũ. Hiện nay, điều kiện sống của người Khmer nghèo còn nhiều thiếu thốn, bất cập, vì thế chưa thể khắc phục được những rủi ro gây tổn thương cho họ. Và “làm phước” nhằm để lại phúc đức cho đời sau là tập tục truyền thống đã thấm sâu vào tâm thức của mỗi người Khmer, không thể ngày một ngày hai có thể buộc họ phải từ bỏ ngay được. Tại Kiên Giang, đa số hộ Khmer nghèo nằm trong tình trạng thiếu vốn, thiếu đất, hoặc không có đất sản xuất. Trình độ học vấn thấp, trình độ chuyên môn kỹ thuật không có. Do đó, nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào tiền công đi làm thuê làm mướn. Kết quả khảo sát của “Đề án Xóa đói giảm nghèo tỉnh Kiên Giang năm 2015” cho thấy, trong số hộ nghèo có:

- 77,2% có nguồn thu nhập chính từ tiền công làm thuê;
- 15,7% có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp tự sản;
- 33% có nguồn thu nhập từ buôn bán dịch vụ, vận tải;
- 0,6% có nguồn thu nhập từ ngành tiểu thủ công nghiệp, xây dựng;
- 1,3% có nguồn thu nhập từ tiền lương nhà nước và trợ cấp chính sách.

5. Nguyên nhân nghèo, đói của người Khmer

Kết quả khảo sát của “Đề án Xóa đói giảm nghèo tỉnh Kiên Giang năm 2015” cho thấy tình trạng nghèo, đói của đồng bào Khmer có nhiều nguyên nhân, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan, khách quan, nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp. Trong đó, có thể kể đến các nguyên nhân chủ yếu sau:

- 82% cho rằng do thiếu tư liệu sản xuất, thiếu vốn sản xuất, không có đất sản xuất, chủ yếu là đi làm thuê mướn, cuộc sống không ổn định;
- 77 % cho rằng trình độ học vấn thấp, thậm chí có người chưa thành thạo tiếng Việt.
- 68% cho rằng chưa thích ứng với cơ chế thị trường, người nông dân Khmer hiện nay còn lúng túng trong việc chuyển đổi chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, thường làm theo kinh nghiệm và cách sản xuất



truyền thống thiếu thông tin thị trường, khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, chưa thích nghi với qui luật cạnh tranh, sản xuất hàng hoá chưa nhiều.

- 91% cho rằng việc cân đối thu chi của nhiều hộ dân tộc Khmer chưa được quan tâm đúng mức, thường mất cân đối. Đa số hộ dân tộc Khmer chỉ có một nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp, trong điều kiện sản xuất nông nghiệp của Việt Nam và nhất là đối với hộ dân tộc Khmer sản xuất không lời hoặc có lời nhưng rất ít. Trước đây, nhiều hộ độc canh cây lúa, hiện nay tuy có xen canh, tăng vụ nhưng diện tích đất không nhiều, năng suất chưa vượt mức bình quân chung, chi phí sản xuất cao, lời ít. Trong khi đó, đồng bào phải chi phí nhiều cho việc ăn, ở, học hành cho con cái, trị bệnh, đóng các loại phí, tham gia lễ hội, đóng góp cho cộng đồng xây, sửa chùa... dẫn đến tình trạng ăn trước, trả sau, vay nặng lãi, bán nông sản non;

- 85% cho rằng kết cấu hạ tầng vùng dân tộc thấp kém, nhà cửa tạm bợ nhiều. Chi phí đi lại, xây sửa nhà cửa hàng năm khá tốn kém. Việc giao lưu hàng hoá khó khăn, sản phẩm làm ra nhiều nơi bị ép giá, trong khi hàng tiêu thụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày lại chịu giá cao;

- 55% cho rằng một bộ phận đồng bào Khmer, nhất là số hộ nghèo, dân trí thấp còn tư tưởng cầu an, thỏa mãn với cuộc sống hiện tại, thiếu ý thức vươn lên. Thiếu chủ động trong kế hoạch làm ăn của gia đình;

- 72% cho rằng phần lớn hộ Khmer nghèo không có đất canh tác. Trình độ học vấn rất thấp, tỉ lệ người mù chữ cao, thiếu chủ động trong sáng tạo sản xuất kinh doanh và rất khó tiếp cận với khoa học kĩ thuật trong các chương trình dự án xoá đói giảm nghèo;

- 51% cho rằng cũng do trình độ học vấn thấp mà người Khmer ít được tiếp cận với việc đào tạo nghề, cũng rất khó tìm kiếm việc làm thường xuyên ổn định;

- 46% cho rằng ngoài ra nguyên nhân nghèo, đói còn do thường xuyên chịu thiên tai, thất mùa, địa bàn sản xuất khó khăn khắc nghiệt. Một số nơi do đồng con, bệnh tật, già cả neo đơn, thiếu lực lượng lao động chính...

6. Thực trạng đào tạo nghề và tạo việc làm

Hiện nay, công tác đào tạo nghề nói chung và của Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang còn nhiều bất cập. Trình độ đào tạo vẫn bán lành nghề, lành nghề và trình độ cao cần được vận dụng linh hoạt, phù hợp với đặc thù ngành, các ngành nghề không thể đào tạo được công nhân trình độ bậc cao vì công nhân bậc cao của các ngành nghề đòi hỏi phải có kĩ năng thành thực là chính, nên phải lấy những người đã trải qua thực tiễn lao động – sản xuất rồi mới đưa đi đào tạo.

- *Hệ thống cơ sở dạy nghề:* Hiện nay, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang quản lí các trường dạy nghề của tỉnh và các trung tâm dạy nghề các huyện, thị. Sự phân bố các cơ sở dạy nghề trong tỉnh không đồng đều, tập trung chủ yếu ở thành thị. Cơ sở vật chất và trang thiết bị của các cơ sở dạy nghề đã được đầu tư. Đội

ngũ giáo viên tăng về số lượng và chất lượng. Nội dung, phương pháp đào tạo từng bước được cải tiến.

- *Nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề:* Hàng năm, tỉnh đào tạo bổ sung lực lượng lao động cho các ngành nghề hàng ngàn công nhân chính quy với nhiều nghề và trình độ khác nhau trong đó dân tộc Khmer chiếm khoảng 8%. Trong toàn tỉnh, có trên dưới 600 doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp này chưa thật sự quan tâm đến việc đào tạo công nhân kĩ thuật. Cấp quản lí nhà nước đầu ngành của tỉnh chưa có biện pháp chế tài đối với những người làm việc không hành nghề (công nhân lao động các ngành nghề chưa qua đào tạo hiện chiếm hơn 70%). Một số ngành nghề như xây dựng, cơ khí, dịch vụ, du lịch... đào tạo phần lớn nặng nhọc, kém hấp dẫn, trình độ đầu vào nhìn chung là thấp;

- *Trang thiết bị phục vụ học tập,* nhất là để thực hành, thực tập thiếu thốn, lạc hậu, không đáp ứng những đòi hỏi thực tế đang đặt ra trong các lĩnh vực sản xuất.

- *Nội dung, chương trình đào tạo:* Chương trình đào tạo không đảm bảo mặt bằng kiến thức theo một chuẩn mực chung. Hệ thống giáo trình cơ bản biên soạn theo các tiêu chuẩn kĩ thuật cũ đã lạc hậu, số lượng giáo trình các môn học còn thiếu rất nhiều;

- *Quy trình đào tạo phương pháp giảng dạy* còn thiên về lí thuyết, kém hướng dẫn các động tác, thao tác cơ bản, kĩ năng nghề nghiệp... khiến cho học sinh ra trường mất nhiều thời gian để thích ứng với công việc;

- *Đội ngũ giáo viên dạy nghề* vừa thiếu về số lượng lại rất yếu về trình độ học vấn, tay nghề, kém hiểu biết công nghệ mới... ảnh hưởng nhiều đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mặt khác cơ chế, chính sách chưa chuyển biến kịp với thực tiễn, quy mô đào tạo nghề tăng nhanh, nhưng đầu tư cho đào tạo nghề chưa tăng. Tính nặng nhọc, lưu động, kém hấp dẫn của một số nghề cũng hạn chế sự nghiệp đào tạo nghề. Mối liên hệ giữa các doanh nghiệp sử dụng lao động và cơ sở đào tạo còn kém gắn bó, thiếu thường xuyên. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giáo viên tuy có nhiều cố gắng, song chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao mà công tác đào tạo nghề đang đặt ra.

7. Giải pháp phát triển đào tạo nghề và tạo việc làm

- Vận động tuyên truyền nhằm làm chuyển biến căn bản nhận thức về xã hội giáo dục trong cư dân Khmer, đặc biệt là trong cộng đồng Khmer nghèo;

- Tuyên truyền quảng bá bằng nhiều hình thức các mô hình đào tạo, đặc biệt chú trọng loại hình đào tạo ngắn hạn theo mô đun nghề hoặc đào tạo theo nhu cầu;

- Tập thể nhà trường phải đồng tâm hợp sức xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với từng mô hình đào tạo, đối tượng đào tạo đồng thời phù hợp với nhu cầu phát triển xã hội;

- Tăng cường cho các giáo viên được học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kĩ năng thực hành vững vàng. Bồi dưỡng kiến thức xây dựng và đánh giá chương trình môn học, đánh giá chương trình đào



tạo để cùng nhau thực hiện tốt hơn;

- Đào tạo gắn liền với lao động sản xuất tạo khí thế học tập cho học sinh, bên cạnh đó có một phần thu nhập cho giáo viên;

- Có mối liên hệ giữa các doanh nghiệp sử dụng lao động trong tỉnh và nhà trường phải gắn bó và thường xuyên.

8. Kết luận

Tỉnh Kiên Giang cần có chính sách ưu tiên cho giáo dục và đào tạo một cách thiết thực và đặc biệt là có chính sách ưu đãi hơn nữa đối với lĩnh vực đào tạo nghề. Tỉnh có chính sách để thu hút thợ bậc cao, có trình độ để làm giáo viên dạy thực hành, có chính sách ưu đãi để thu hút học sinh con em vùng nông thôn nói chung và con em người dân tộc Khmer nghèo nói riêng vào học các nghề nặng nhọc, độc hại, kém hấp dẫn. Tỉnh Kiên Giang cần quy định cụ thể về trách nhiệm của doanh nghiệp

đối với sự nghiệp đào tạo nghề theo hướng hàng năm để phù hợp với điều kiện hiện nay, tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang năm 2015.
- [2]. Đề án Xóa đói giảm nghèo tỉnh Kiên Giang năm 2015.
- [3]. Luật Dạy nghề, năm 2006.
- [4]. Mạc Văn Tiến, (2009), Đề án Đào tạo nghề cho nông nghiệp và nông thôn, Tổng cục Dạy nghề.
- [5]. Anja Kuckulenz, Physica-Verlag HD, (2007), *Studies on Continuing Vocational Training in Germany*.
- [6]. Quyết định số 1956/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

VOCATIONAL TRAINING AND JOBS CREATION FOR KHMER PEOPLE IN KIEN GIANG PROVINCE

Pham Hoang Minh

Kien Giang Vocational Ethnic Boarding High School

Email: p.hminh@yahoo.com.vn

Abstract: The article mentions to research findings of "Poverty Reduction Project in Kien Giang province in 2015" in terms of the Khmer ethnics' features, their education, life, labor and employment, the causes of poverty, status of vocational training and job, and solutions for vocational training development and job in Kien Giang province. Survey results demonstrated that to effectively develop vocational training and create jobs for Khmer people, it is necessary to improve vocational teachers' competence and consistent policy.

Keywords: Vocational training; job creation; hunger elimination and poverty reduction; Khmer people.